TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1160/2017/QĐHNGĐ-ST	*Gò Vấp, ngày 24 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1005/2017/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa:

Người yêu cầu là: Anh Võ Hồng T, sinh năm 1977

Và chị Trịnh Thị M, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Đường M, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 8 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Võ Hồng T và chị Trịnh Thị M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Quan hệ hôn nhân: Anh Võ Hồng T và chị Trịnh Thị M thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số I do Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/3/2002 hết hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao cháu Võ Hồng T, sinh ngày 09/3/2003 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu T đến tuổi trưởng thành.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh T lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị M có đơn thi hành án, nếu anh T chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng anh T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, anh Võ Hồng T và chị Trịnh Thị M phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0027159 ngày 28/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh T và chị M đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân xã T,
huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên